

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 426/MB-TCHC
V/v: CBTT Báo cáo thường niên
năm 2024


Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.35378256 Fax: 024.35378255
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trần Nguyễn - Trưởng phòng TCHC
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo quản trị: www.pmb.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (đề b/c);
- Lưu VT, ĐNH.
Đính kèm:
BC thường niên năm 2024.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRƯỞNG PHÒNG TCHC
Phạm Trần Nguyễn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**
Tầng 4, Tòa nhà VPI, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 024.35378256 - Fax: 024.35378255 - Website: www.pmb.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**



Hà Nội, tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	3
I. Thông tin khái quát.....	3
II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
IV. Định hướng phát triển.....	5
V. Quản trị rủi ro	7
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024	10
I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024	10
II. Tổ chức và nhân sự.....	11
1. Danh sách Ban Điều hành.....	11
2. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động 11	
III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	12
IV. Tình hình tài chính.....	12
1. Tình hình tài chính.....	12
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	13
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	15
1. Cổ phần.....	15
2. Cơ cấu cổ đông	15
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	16
1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước	16
2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	16
3. Chính sách liên quan đến người lao động.....	17
4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	17
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	19
I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.....	19
II. Tình hình tài chính.....	19
1. Tình hình tài sản	19
2. Tình hình nợ phải trả.....	20
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	21
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai	22
V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có).....	23
VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	23
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	24
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	24
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	25

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	25
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
I. Hội đồng quản trị.....	28
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.....	28
II. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	28
1. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.....	29
2. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.....	30
III. Ban Kiểm soát.....	30
1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát.....	30
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	31
3. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty.....	31
4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.....	32
5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.....	33
IV. Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.....	34
1. Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau.....	34
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:.....	34
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:.....	34
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:.....	35
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	36
1. Ý kiến kiểm toán.....	36
2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán (Tài liệu đính kèm).	36

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số: 0102886450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/08/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/02/2024.
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 120.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 - 35378256.
- Số fax: 024 - 35378255.
- Website: www.pmb.vn.
- Mã chứng khoán: PMB

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 27/12/2007 thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - Xí nghiệp Kinh doanh Phân bón miền Bắc.
- Ngày 13/08/2008, thành lập Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.
- Ngày 24/12/2010, chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc thành Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.
- Ngày 07/09/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 21/9/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

- Ngày 07/10/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán với mã cổ phiếu là PMB.

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn phân bón (trừ loại Nhà nước cấm).
- Bán lẻ hàng hóa phân bón (trừ loại Nhà nước cấm), hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật).
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)
- Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy.
- Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ kho bãi.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; quảng cáo; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại.

Thực tế, hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo - PMB) là kinh doanh các loại phân bón đặc biệt là các loại phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Địa bàn kinh doanh:

- Bao gồm 29 tỉnh và thành phố thuộc khu vực miền Bắc, từ Quảng Bình trở ra phía Bắc.

III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

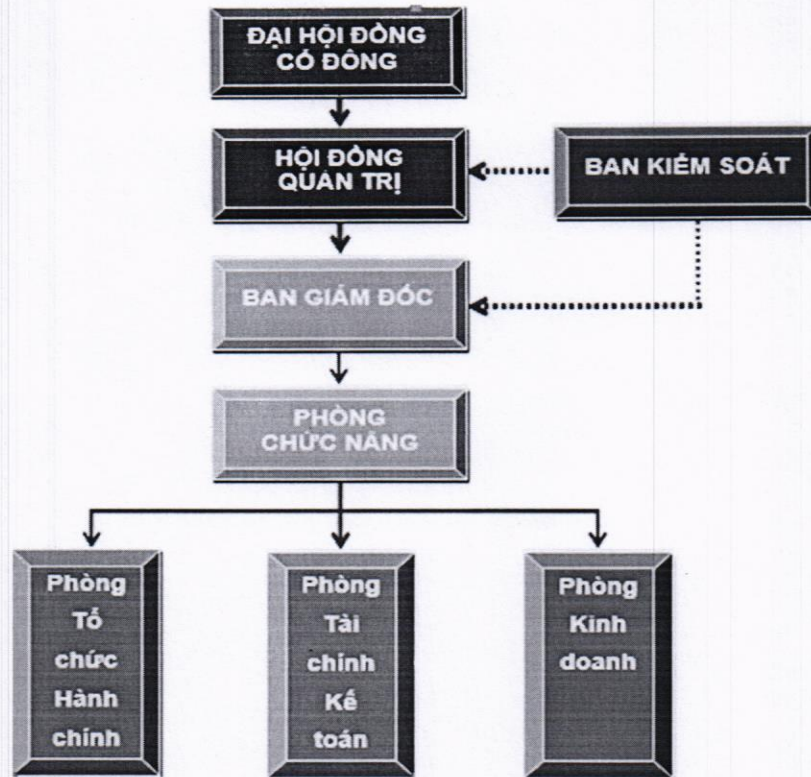
Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Chú thích:

- : Quan hệ chỉ đạo
.....→ : Quan hệ giám sát

IV. Định hướng phát triển

Nguyên tắc phát triển:

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Để thực hiện điều đó, Công ty xác định các nguyên tắc cốt lõi như sau:

- **Không ngừng đổi mới, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững:** Công ty cam kết đổi mới trong quản lý và sản xuất, duy trì sự an toàn trong mọi hoạt động, đồng thời không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh nhằm hướng đến sự phát triển lâu dài và bền vững.
- **Tập trung vào các sản phẩm chủ lực:** Công ty ưu tiên phát triển, kinh doanh và phân phối các sản phẩm cốt lõi của PVFCCo như Urea, Kali và NPK mang

thương hiệu Phú Mỹ, nhằm khẳng định vị thế trên thị trường và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- **Mở rộng danh mục sản phẩm phân bón tự doanh:** Công ty chủ động phát triển các sản phẩm phân bón tự doanh để gia tăng doanh thu, tối ưu lợi nhuận và nâng cao năng suất lao động, góp phần mở rộng thị phần và củng cố năng lực kinh doanh.
- **Tăng cường đầu tư để chủ động trong sản xuất kinh doanh:** Công ty chú trọng đầu tư có trọng điểm, nâng cao năng lực sản xuất nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài, từ đó nâng cao tính chủ động trong hoạt động kinh doanh.
- **Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm và hệ thống phân phối:** Công ty đặc biệt chú trọng đến việc kiểm soát chất lượng từ khâu sản xuất đến phân phối, đảm bảo sản phẩm đến tay khách hàng đạt tiêu chuẩn cao nhất, đồng thời thực hiện đầy đủ các cam kết đối với khách hàng và đối tác.
- **Phát huy nguồn lực nội bộ, mở rộng hợp tác chiến lược:** Công ty tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có, đồng thời thúc đẩy hợp tác lâu dài với các đối tác chiến lược nhằm chia sẻ rủi ro, khai thác các cơ hội phát triển và tăng cường sức mạnh cạnh tranh trên thị trường.

Những nguyên tắc này sẽ là nền tảng giúp Công ty phát triển ổn định, duy trì vị thế vững chắc trên thị trường, đồng thời mang lại giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng và toàn bộ hệ thống.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực kinh doanh phân bón, đồng thời mở rộng các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với định hướng của PVFCCo và ngành Dầu khí. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

- **Khẳng định vị thế trong ngành phân bón:** Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, trở thành doanh nghiệp kinh doanh phân bón hàng đầu tại khu vực miền Bắc, cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đặc biệt là dòng sản phẩm phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ.

- **Củng cố và mở rộng thị phần:** Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, sự ổn định và hiệu quả của sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đặc biệt tại các vùng trọng điểm như Bắc Trung Bộ và đồng bằng sông Hồng. Đồng thời, duy trì và mở rộng thị phần phân bón tại khu vực miền Bắc.
- **Phát triển hệ thống phân phối:** Công ty tập trung xây dựng và tối ưu hóa hệ thống phân phối, phát triển kênh bán hàng theo chiều rộng và chiều sâu, hướng tới trở thành đơn vị kinh doanh phân bón có hệ thống phân phối hàng đầu khu vực phía Bắc.
- **Đầu tư vào hạ tầng kho bãi và hậu cần:** Công ty xây dựng hệ thống kho bãi và hậu cần chuyên nghiệp, đảm bảo khả năng cung ứng hàng hóa nhanh chóng, hiệu quả đến các địa bàn trọng điểm.
- **Nâng cao chất lượng dịch vụ để tạo lợi thế cạnh tranh:** Công ty xác định dịch vụ chất lượng cao là yếu tố quan trọng giúp sản phẩm Phú Mỹ trở thành sự lựa chọn ưu tiên của người tiêu dùng trong khu vực.
- **Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động:** Công ty chú trọng cân đối giữa phát triển kinh doanh và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, người lao động, tạo điều kiện làm việc tốt và chế độ phúc lợi hợp lý.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phát triển bền vững, trở thành một trong những doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hàng đầu tại khu vực miền Bắc.

Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

V. Quản trị rủi ro

Nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc luôn chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Việc quản trị rủi ro được thực hiện đồng bộ với chiến lược phát triển, đảm bảo tính linh hoạt trong ứng phó với các biến động của thị trường. Trong năm 2024, Công ty tập trung quản trị các rủi ro trọng yếu sau:

- 1. Rủi ro xung đột chính trị:** Những bất ổn địa chính trị trên thế giới, đặc biệt là xung đột Nga - Ukraine kéo dài và căng thẳng tại một số khu vực khác, tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Biến động giá dầu, vàng, lạm phát cao và chính sách tài chính thắt chặt của nhiều quốc gia đã tạo ra sức ép lớn đối với thị trường phân bón. Để giảm thiểu tác động, Công ty đã triển khai các biện pháp tối ưu hóa chuỗi cung ứng, đa dạng hóa nguồn hàng và tăng cường dự báo thị trường để điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp.
- 2. Rủi ro cung vượt cầu trên thị trường:** Thị trường phân bón, đặc biệt là Urea, tiếp tục đối mặt với áp lực cung vượt cầu do sản xuất trong nước và nhập khẩu gia tăng. Nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh, Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối, tăng cường hỗ trợ các nhà phân phối thông qua các chương trình xúc tiến thương mại. Hiện tại, hệ thống phân phối Phân bón Phú Mỹ của Công ty đã được củng cố và phân vùng tiêu thụ cụ thể, tập trung vào các khu vực nông nghiệp trọng điểm từ Quảng Bình trở ra phía Bắc.
- 3. Rủi ro cạnh tranh về giá:** Giá phân bón trong nước vẫn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động giá thế giới và chiến lược giá của các nhà sản xuất lớn. Trong năm 2024, giá phân bón tiếp tục biến động theo xu hướng phức tạp, tạo ra những thách thức cho hoạt động kinh doanh. Công ty đã xây dựng chiến lược giá linh hoạt, cân đối giữa rủi ro và cơ hội, nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh mà vẫn duy trì hiệu quả tài chính.
- 4. Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng:** Chính sách bán hàng của Công ty tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc áp dụng hạn mức công nợ hợp lý theo năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm của từng nhà phân phối. Nhờ các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả, trong năm 2024, Công ty không ghi nhận tranh chấp liên quan đến công nợ xấu.
- 5. Rủi ro khi đưa sản phẩm mới ra thị trường và rủi ro về chất lượng sản phẩm:** Nhu cầu thị trường tiếp tục dịch chuyển sang các dòng sản phẩm phân bón chất lượng cao, thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao. Để đáp ứng xu hướng này, bên cạnh sản phẩm chủ lực là Urea Phú Mỹ, Công ty đã và đang mở rộng danh mục sản phẩm như Kaly Phú Mỹ, NPK Phú Mỹ, Kebo Phú Mỹ, đồng thời nghiên cứu phát triển các dòng phân bón chuyên dụng nhằm gia tăng sản lượng kinh doanh và giữ vững thị phần.

6. Rủi ro về môi trường và tuân thủ quy định pháp luật

- Cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài ngày càng gia tăng khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế, tạo áp lực lớn đối với các doanh nghiệp trong nước.
- Tình trạng phân bón giả, kém chất lượng vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp kinh doanh phân bón chính. Công ty tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với cơ quan quản lý để tăng cường kiểm soát thị trường, bảo vệ thương hiệu và quyền lợi người tiêu dùng.

7. Rủi ro do biến đổi khí hậu: Biến đổi khí hậu tiếp tục tác động mạnh đến sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng phân bón. Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty đã xây dựng các giải pháp thích ứng, như đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ bà con nông dân tối ưu hóa sử dụng phân bón để đạt hiệu quả cao nhất.

Trên cơ sở đánh giá các rủi ro trên, Công ty đã triển khai các biện pháp kiểm soát và giám sát chặt chẽ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực, đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra ổn định và đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra trong năm 2024.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với thị trường phân bón Việt Nam, đặc biệt là khu vực miền Bắc, khi phải đối mặt với nhiều biến động khó lường. Điều kiện thời tiết không thuận lợi, mưa lớn bất thường cùng ảnh hưởng của các cơn bão mạnh đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp. Nhiều diện tích cây trồng bị mất trắng, sản lượng nông sản giảm, kéo theo giá cả không duy trì được ở mức cao, ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập và khả năng tái đầu tư của nông dân. Những yếu tố này làm suy giảm đáng kể nhu cầu sử dụng phân bón trên thị trường.

Bên cạnh đó, nguồn cung phân bón trong năm luôn ở mức dư thừa, gây áp lực lớn lên các nhà sản xuất và phân phối. Tình trạng bán tháo, bán không, đặc biệt đối với các loại phân đơn như Urea, Kali, diễn ra phổ biến, khiến thị trường trở nên bất ổn. Đối với phân bón NPK, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp thông qua các chương trình khuyến mại, chăm sóc khách hàng đã làm biên lợi nhuận giảm xuống mức thấp.

Trước những khó khăn này, Công ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, kịp thời ứng phó với biến động thị trường và nhận được sự đồng hành của hệ thống phân phối. Các chương trình hỗ trợ, chính sách bán hàng hợp lý được triển khai hiệu quả, tạo được sự tin tưởng và hưởng ứng tích cực từ nhà phân phối, cửa hàng bán lẻ và người tiêu dùng. Nhờ đó, uy tín thương hiệu ngày càng được củng cố, thị phần tiếp tục mở rộng, đặc biệt với các sản phẩm chủ lực như NPK Phú Mỹ và Đạm Phú Mỹ.

Dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự chỉ đạo linh hoạt, quyết sách đúng đắn từ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì ổn định, khẳng định vị thế trên thị trường.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024	TH 2024/ TH 2023
A	Sản lượng kinh doanh	Tấn	216.818	213.000	224.651	105%	104%
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	152.094	150.000	150.540	100%	99%
2	NPK Phú Mỹ	Tấn	23.518	23.000	25.041	109%	106%
3	Các sản phẩm từ gốc Ure	Tấn	2.011	2.000	3.104	155%	154%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024	TH 2024/ TH 2023
4	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ	Tấn	19.085	20.000	18.002	90%	94%
5	Phân bón tự doanh	Tấn	20.111	18.000	27.964	155%	139%
B	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	204,39	192,86	94%	104%	204,39
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	134,39	142,43	106%	99%	134,39
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.153,30	1.998,62	2.163,19	108%	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,35	11,20	12,96	116%	125%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,33	8,96	9,90	111%	156%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	4,61	3,11	5,56	179%	121%
7	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	9%	9%	11%	116%	125%

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban Điều hành

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Năm sinh	Tổng số cổ phần		Tỷ lệ sở hữu cổ phần
				Đại diện	Cá nhân	
1	Lương Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1978		5.000	0,041%
2	Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1979	3.600.000		30%
3	Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên HĐQT	1977			0%
4	Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc	1971		3.800	0,032%
5	Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc	1980		6.050	0,05%
6	Đào Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1974			0%
7	Nguyễn Trà My	Thành viên Ban Kiểm soát	1984			0%
8	Đỗ Thị Minh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	1987			0%
9	Nguyễn Thị Thu Hà	Phụ trách Kế toán	1969		3000	0,025%

2. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2024: Tổng số lao động của Công ty là 67 người (trong đó lao động nữ là 28 người). 100% lao động được ký HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

- Trong năm 2024, Công ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty Cổ phần niêm yết.
- Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của NLĐ nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Năm 2024, Công ty không đầu tư và thực hiện dự án nào.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng, giảm (%)
Tổng tài sản	192,86	184,93	4%
Doanh thu thuần	2.153,31	2.146,36	0,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,75	5,59	-15%
Lợi nhuận khác	8,21	4,76	72%
Lợi nhuận trước thuế	12,96	10,35	25%
Lợi nhuận sau thuế	9,90	6,33	56%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	7	8	-13%

Trong năm 2024, với diễn biến phức tạp, khó lường về tình hình giá cả, đối thủ cạnh tranh tại khu vực miền Bắc, đã trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thể hiện qua các chỉ số tài chính cơ bản, cụ thể: Doanh thu thuần của tất cả các hoạt động tăng nhẹ 0,3%, lợi nhuận trước thuế tăng 25%, lợi nhuận sau thuế tăng 56% so với năm 2023. Công ty đã giữ vững thị trường, thị phần tại khu vực và thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được thông qua.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2024	2023	Tăng/Giảm (%)
- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,65	4,24	-13,8%
Hệ số thanh toán nhanh	2,99	3,45	-13,3%
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	26%	22%	19,0%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	35%	28%	25,8%
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	33,24	29,22	13,7%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	11,40	11,22	1,6%
Doanh thu thuần/Vốn CSH	15,12	14,87	1,7%
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,46%	0,29%	56,0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,95%	4,38%	58,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,13%	3,42%	50,1%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,22%	0,26%	-15,3%
Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	6,91%	4,41%	56,5%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	5,18%	3,31%	56,5%

Khả năng thanh toán:

- **Hệ số thanh toán ngắn hạn = 3,65:** Với hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 3,65 chứng tỏ Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cao, tài sản lưu động gấp hơn 3 lần so với nợ ngắn hạn. Điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty dồi dào và không gặp khó khăn trong việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

- **Hệ số thanh toán nhanh = 2,99:** Chỉ số thanh toán nhanh là 2,99 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn mà không phụ thuộc vào hàng tồn kho. Điều này minh chứng rằng Công ty có đủ tài sản thanh khoản để xử lý các khoản nợ ngắn hạn.

Khả năng thanh toán của Công ty tốt, không chỉ giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định mà còn tạo ra sự tin tưởng từ phía các nhà đầu tư và đối tác.

Cơ cấu vốn:

- **Hệ số nợ/Tổng tài sản = 26%:** Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản trong năm 2024 của Công ty ở mức 26%, cho thấy Công ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn với nợ thấp, giúp giảm thiểu rủi ro tài chính. Mức độ nợ này cho phép Công ty linh hoạt trong việc huy động vốn mà không làm ảnh hưởng đến khả năng tài chính.
- **Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu = 35%:** Tỷ lệ nợ trên Vốn chủ sở hữu ở mức 35%, cho thấy Công ty đang sử dụng nợ ở mức hợp lý để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh. Đây là mức tỷ lệ hợp lý giúp Công ty duy trì sự ổn định và chủ động trong các quyết định tài chính.

Cơ cấu vốn của Công ty lành mạnh, với tỷ lệ nợ không quá cao, giúp giảm thiểu rủi ro tài chính và duy trì sự ổn định trong các hoạt động.

Năng lực hoạt động năm 2024:

- **Vòng quay hàng tồn kho = 33,24:** Với vòng quay hàng tồn kho đạt 33,24, Công ty có khả năng tiêu thụ hàng tồn kho nhanh chóng, chứng tỏ việc quản lý hàng tồn kho rất hiệu quả. Điều này giúp Công ty giảm thiểu rủi ro từ việc tồn kho ứ đọng hoặc giảm giá trị.
- **Doanh thu thuần/Tổng tài sản = 11,40:** Chỉ số này cho thấy Công ty tạo ra 11,4 đồng doanh thu thuần từ mỗi đồng tài sản, phản ánh sự sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra doanh thu.
- **Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu = 15,12:** Với chỉ số này, Công ty đã tạo ra 15,12 đồng doanh thu thuần cho mỗi đồng vốn chủ sở hữu. Đây là một mức rất tốt, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn cao.

Công ty có năng lực hoạt động mạnh mẽ, sử dụng tài sản và vốn hiệu quả, đồng thời quản lý hàng tồn kho rất tốt. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí mà còn nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Khả năng sinh lời:

- **ROE (Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu bình quân) = 6,91%:** Với chỉ số ROE đạt 6,91%, Công ty tạo ra lợi nhuận khá ổn từ vốn chủ sở hữu và hiệu quả sử dụng vốn khá tốt.
- **ROA (Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân) = 5,18%:** ROA đạt 5,18%, cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra lợi nhuận.

Nhìn chung tình hình tài chính năm 2024 của Công ty tiếp tục duy trì được sự ổn định, luôn đảm bảo kịp thời nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần

Công ty hiện đang lưu hành 12.000.000 cổ phần phổ thông. Tất cả là cổ phần chuyển nhượng tự do.

2. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 28/02/2025, Công ty có 475 cổ đông, trong đó có 02 cổ đông lớn là PVFCCo chiếm 75% và Tổng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An chiếm 10,02%, còn lại là các cổ đông nhỏ lẻ.

Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Trong nước	99,01 %	
	Cổ đông lớn PVFCCo	75%	
	Cổ đông lớn Tổng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	10,02%	
	Các tổ chức khác	2%	
	Cá nhân	11,99%	

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
2	Nước ngoài	0,99%	
	Các tổ chức khác	0,88%	
	Cá nhân	0,11%	

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2024, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước

Với mô hình là Công ty chuyên kinh doanh và phân phối, không trực tiếp sản xuất nên lượng rác thải và sử dụng năng lượng và tài nguyên nước là không nhiều. Đồng thời Công ty cũng luôn có các chính sách và hoạt động nhằm quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn nguyên vật liệu, tài nguyên, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị; đồng thời, thường xuyên tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT - CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty.
- Thực hiện quan trắc môi trường tại các kho do Công ty quản lý định kỳ 6 tháng/lần và đo kiểm môi trường lao động tại các kho, văn phòng Công ty định kỳ 01 năm/lần nhằm đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho CBNV Công ty.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong quá trình kinh doanh, giao nhận hàng hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định, ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn, các vi phạm môi trường.

- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa rác thải nguy hại theo đúng yêu cầu. Chất thải rắn, chất thải nguy hại được đăng ký, phân loại, thu gom và lưu trữ tạm thời để xử lý.
- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

3. Chính sách liên quan đến người lao động

- Xây dựng thang lương, bảng lương, định biên, định mức lao động, đơn giá tiền lương theo đúng nguyên tắc và quy định của Pháp luật, Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty. Việc trả lương, thưởng được thực hiện đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động, kế hoạch huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động; đảm bảo cung cấp các trang thiết bị BHLĐ cho các cá nhân làm việc theo đúng quy định. Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho CBNV làm việc trực tiếp tại kho trạm thuộc Công ty.
- Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp chữa trị, thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBNV theo quy định.
- Công tác đào tạo luôn được Công ty quan tâm với chủ trương đầu tư một cách có hiệu quả cho nguồn nhân lực để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công tác đào tạo nội bộ đã được nâng cao về cả số lượng và chất lượng.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Triển khai thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội tại khu vực Công ty quản lý như: Cứu trợ các địa phương bị ảnh hưởng do thời tiết bất thường,...

- Hoạt động thăm hỏi và tặng quà người khuyết tật, các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các trung tâm bảo trợ xã hội...luôn được quan tâm và tổ chức.
- Triển khai thực hiện chương trình Tết người nghèo nhân dịp Tết nguyên đán tại nhiều tỉnh thành thuộc địa bàn kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ nghiêm mọi quy định của Chính phủ và địa phương.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành qua các năm, Năm 2024, PVFCCo-PMB tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động kinh doanh góp phần nâng cao giá trị thương hiệu, khẳng định vị thế của Công ty tại địa bàn khu vực, tạo được sự yên tâm và gắn bó lâu dài với CBNV trong Công ty và đảm bảo được lợi ích hài hòa giữa Công ty và các cổ đông. Qua đó, khẳng định tính đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/24		31/12/23		Tăng, giảm	Tăng, giảm (%)
			Số tiền [1]	Tỷ trọng (%)	Số tiền [2]	Tỷ trọng (%)		
A	B	C					$[3]=[1]-[2]$	$[4]=[3]/[2]$
1	Tổng tài sản ngắn hạn	Tỷ đ	184,25	96%	172,17	93%	12,08	7%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	”	139,84	73%	120,86	65%	18,99	16%
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	”	11,06	6%	19,36	10%	(8,30)	-43%
1.3	Hàng tồn kho	”	32,94	17%	29,61	16%	3,33	11%
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	”	0,41	0%	2,34	1%	(1,94)	-83%
2	Tổng tài sản dài hạn	”	8,60	4%	12,76	7%	(4,15)	-33%
2.1	Tài sản cố định	”	3,72	2%	5,31	3%	(1,59)	-30%
2.2	Tài sản dài hạn khác	”	4,89	3%	7,45	4%	(2,56)	-34%
	Tổng tài sản	”	192,86		184,93		7,92	4,3%

- Tổng tài sản tính đến 31/12/2024 là 192,86 tỷ đồng tăng 4,3% so với năm 2023. Kết cấu tài sản của Công ty nghiêng về tài sản ngắn hạn (chiếm tỷ lệ 96% trên

tổng tài sản), trong khi tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng thấp (chiếm tỷ lệ 4% trên tổng tài sản).

- Trị giá các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 2024 là 11,06 tỷ đồng, giảm 43% so với đầu năm. Các khoản phải thu có xu hướng giảm nhẹ và không làm ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn nói chung và hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói riêng. Việc theo dõi thu hồi công nợ được tiến hành thường xuyên và chặt chẽ. Công ty không có các khoản phải thu dài hạn. Trong năm 2024 Công ty không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi, nợ mất khả năng thanh toán.
- Hàng tồn kho tính đến 31/12/2024 tăng 11% so với năm 2023, chiếm tỷ lệ 17% trên tổng tài sản.

Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\begin{aligned} \text{Vòng quay tổng tài sản} &= \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} = \frac{2.153 \text{ tỷ đồng}}{189 \text{ tỷ đồng}} = 11 \text{ vòng} \\ \text{Vòng quay tài sản cố định} &= \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}} = \frac{2.153 \text{ tỷ đồng}}{4,52 \text{ tỷ đồng}} = 476 \text{ vòng} \end{aligned}$$

2. Tình hình nợ phải trả

Tính đến ngày 31/12/2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/23		31/12/22		Tăng, giảm	Tăng/giảm
			Số tiền [1]	Tỷ trọng (%)	Số tiền [2]	Tỷ trọng (%)		
I.	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	192,86		184,93		7,92	4,3%
1.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó:	"	50,42	26%	40,62	22%	9,81	24,1%
1.1	Khoản vay ngắn hạn	"	-	-	-	-	-	
1.2	Phải trả cho người bán	"	17,63	9,1%	2,92	2%	14,71	504,5%
1.3	Người mua trả tiền trước	"	17,82	9,2%	6,36	3%	11,46	180,2%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/23		31/12/22		Tăng, giảm	Tăng/giảm
			Số tiền [1]	Tỷ trọng (%)	Số tiền [2]	Tỷ trọng (%)		
A	B	C					[3]=[1] -[2]	[4]=[3]/[2]]
1.4	Các khoản phải trả khác	”	14,97	8%	31,34	17%	(16,37)	-52,2%
2	Vốn chủ sở hữu	”	142,43	74%	144,31	78%	(1,88)	-1,3%

- Các khoản nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là 50,42 tỷ đồng, tăng 24,1% so với năm 2023.
- Công ty không có các khoản nợ phải trả dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Các chỉ số nợ phải trả:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số nợ trên Tổng tài sản} &= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{50,42 \text{ tỷ đồng}}{192,86 \text{ tỷ đồng}} = 0,26 \\ \text{Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu} &= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{50,42 \text{ tỷ đồng}}{142,43 \text{ tỷ đồng}} = 0,35 \end{aligned}$$

Các chỉ số trên cho thấy tỷ lệ nợ phải trả chiếm 26% trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu là 0,35 lần. Điều này cho thấy cơ cấu nợ phải trả ở mức thấp, công nợ phải trả luôn được đảm bảo thực hiện đúng quy định và nguồn vốn sử dụng vào hoạt động kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn tự có của Công ty.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2024, Công ty tập trung rà soát, kiện toàn hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức và nguồn vốn, đồng thời tối ưu hóa nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động. Các chương trình đào tạo nội bộ, hội thảo chuyên đề được tổ chức thường xuyên nhằm khuyến khích sáng tạo, đổi mới, đồng thời kịp thời động viên, khen thưởng những ý tưởng có tính ứng dụng cao.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ chế bán hàng theo khu vực địa lý, đảm bảo sự ổn định giá cả trong hệ thống phân phối Phân bón Phú Mỹ, giúp duy trì hiệu quả kinh doanh ngay cả trong giai đoạn thấp điểm. Chính sách lương thưởng cũng được gắn liền với hiệu quả kinh doanh nhằm khuyến khích nhân viên phát huy tối đa năng lực.

Hệ thống phân phối tại các vùng trọng điểm được củng cố thông qua việc đầu tư, hỗ trợ các nguồn lực xúc tiến thương mại cho Nhà phân phối, tăng cường sự gắn kết giữa Công ty và khách hàng. Đồng thời, Công ty không ngừng cải tiến chính sách hỗ trợ bán hàng, nghiên cứu và hoàn thiện danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và từng loại cây trồng chủ lực.

Song song với việc tinh gọn bộ máy tổ chức để nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty cũng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục sai sót trong quản lý và kinh doanh, đảm bảo hoạt động vận hành minh bạch, ổn định.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025, đồng thời bám sát chiến lược dài hạn để đạt được các mục tiêu trong giai đoạn tiếp theo. Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ này, Công ty đặt ra một số giải pháp trọng tâm như sau:

Công tác xây dựng kế hoạch sẽ được nâng cao với các dự báo sát thực tế, đảm bảo triển khai kịp thời và hiệu quả. Chính sách bán hàng tiếp tục được điều chỉnh linh hoạt để kích thích hệ thống Nhà phân phối đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ. Công ty cũng sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp để phát triển các sản phẩm phân bón tự doanh, gia tăng doanh thu và tối ưu năng suất lao động.

Bên cạnh đó, năng lực cạnh tranh sẽ được cải thiện thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển giá trị gia tăng trong sản phẩm. Hệ thống phân phối được sàng lọc, phân vùng hiệu quả, đồng thời đẩy mạnh kênh phân phối cấp 2 nhằm mở rộng độ bao phủ tại các thị trường trọng điểm. Công ty sẽ tăng cường công tác hậu cần, xây dựng phương án điều độ hàng hóa phù hợp theo từng khu vực để đảm bảo nguồn cung kịp thời và duy trì lộ trình phát triển thị phần NPK Phú Mỹ.

Về tài chính, Công ty chú trọng quản lý vốn, kiểm soát hàng tồn kho, công nợ và rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính. Các biện pháp tái cấu trúc sẽ tiếp tục được thực hiện theo định hướng của Tổng công ty, đồng thời hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn làm cơ sở cho các mục tiêu tương lai.

Công ty cũng tập trung phát triển sản phẩm mới, tận dụng hệ thống kho bãi và quan hệ đối tác để mở rộng kinh doanh. Hoạt động đầu tư, mua sắm sẽ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định hiện hành.

Về nhân sự, Công ty sẽ tái cơ cấu phòng Kinh doanh, tăng tỷ trọng cán bộ trực tiếp, phân chia khu vực thị trường chuyên biệt để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Công tác đào tạo sẽ được đẩy mạnh, đặc biệt là đào tạo nội bộ nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ nhân viên.

Công ty cũng đặt mục tiêu tiết kiệm 5% chi phí quản lý và bán hàng bằng cách tăng cường kiểm soát chi phí trong mọi hoạt động. Đồng thời, thương hiệu Công ty sẽ tiếp tục được gắn kết với “PVFCCo”, chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Công ty cam kết phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội và đảm bảo lợi ích hài hòa cho các cổ đông.

V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có)

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường cho Công ty mẹ và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

Công tác An sinh xã hội cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024, thị trường phân bón tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Các đối thủ liên tục mở rộng hoạt động, áp dụng chính sách linh hoạt nhằm gia tăng thị phần, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm. Trước tình hình đó, Công ty đã kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp, duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, tối ưu hiệu quả và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông.

Trong năm qua, Công ty đã tổ chức hoạt động kinh doanh và đầu tư theo phương châm an toàn, hiệu quả, tiết kiệm. Thị phần Urea Phú Mỹ tiếp tục được giữ vững, trong khi các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ đã khẳng định vị thế trên thị trường, có khả năng phát triển độc lập. Hệ thống phân phối được mở rộng và quản lý chặt chẽ, đảm bảo phát triển bền vững theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Về tổ chức nhân sự, Công ty đã sắp xếp, tối ưu hóa nguồn lực theo hướng nâng cao tỷ trọng lao động trực tiếp, đồng thời tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh. Chính sách trả lương gắn với hiệu quả tiếp tục được triển khai hiệu quả, khuyến khích tinh thần làm việc tích cực, sáng tạo. Công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, hội nghị tập huấn nông nghiệp được đẩy mạnh, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và mở rộng độ phủ sản phẩm.

Về tài chính, Công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, quản lý công nợ, đảm bảo an toàn tài chính. Công tác tái cấu trúc được thực hiện liên tục theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu suất hoạt động. Đồng thời, Công ty chú trọng thực hành tiết kiệm, tối ưu hóa chi phí trong mọi hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công tác an toàn lao động luôn được ưu tiên hàng đầu. Trong năm 2024, không có sự cố nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Công tác phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh được thực hiện nghiêm túc. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường được tuân thủ đầy đủ, bao gồm quan trắc môi trường và kiểm tra chất lượng môi trường lao động định kỳ, với các chỉ số đều nằm trong giới hạn cho phép.

Quyền lợi của cổ đông tiếp tục được đảm bảo với mức chi cổ tức năm 2024 dự kiến đạt 7%/năm.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, kết thúc năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đồng thời ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành Công ty hoạt động hiệu quả trong tình hình thị trường diễn biến phức tạp.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Bước vào năm 2025, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa công tác quản trị. Để hiện thực hóa các mục tiêu này, Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã đề ra, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Công ty sẽ tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương châm An toàn - Hiệu quả - Tiết kiệm, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc phát triển hệ thống phân phối một cách bền vững, mở rộng thị trường cả về quy mô lẫn chiều sâu. Các giải pháp bán hàng sẽ được thực hiện linh hoạt để thích ứng với thị trường, đồng thời đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm NPK Phú Mỹ.

Công tác quản trị hàng tồn kho sẽ được nâng cao nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa và tối ưu hóa chi phí vận hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động trong hoạt động kinh doanh phân bón tự doanh, không chỉ để bảo toàn và gia tăng nguồn vốn mà còn nhằm nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh các sản phẩm liên quan cũng sẽ được đẩy mạnh nhằm đa dạng hóa nguồn thu.

Năm 2025, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ hậu cần, không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu thị trường mà còn tạo ra sự khác biệt trong cạnh tranh. Đặc biệt, Công ty sẽ áp dụng các mô hình quản trị hiện đại như quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái và quản trị số hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động, sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

Về mặt tài chính, Công ty sẽ siết chặt công tác quản lý dòng tiền, kiểm soát công nợ và tối ưu hóa việc sử dụng vốn để đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Công tác đầu tư, mua sắm cũng sẽ được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ đúng các quy định. Đồng thời, Công ty sẽ xây dựng phương án cơ cấu vốn chủ sở hữu phù hợp, vừa đảm bảo nhu cầu kinh doanh, đầu tư vừa bảo toàn nguồn vốn theo quy định pháp luật.

Một trong những trọng tâm của năm 2025 là công tác đầu tư và nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là các dòng NPK chuyên biệt, đặc trưng Công ty trên cơ sở phù hợp với mùa vụ và đặc thù cây trồng tại khu vực miền Bắc. Bên cạnh đó, hệ thống kho bãi cũng sẽ được tái cơ cấu để tối ưu hóa chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả sử dụng.

Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống quản trị, cập nhật các quy chế và quy trình hoạt động cho phù hợp với thực tế. Đặc biệt, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin sẽ được đẩy mạnh trong mọi mặt hoạt động để nâng cao hiệu suất làm việc và thích ứng với xu thế phát triển hiện đại.

Ngoài ra, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2026-2030, chiến lược đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo sự đồng bộ trong định hướng phát triển dài hạn.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến đời sống và phúc lợi của người lao động. Việc chăm lo sức khỏe, điều kiện làm việc và thu nhập của nhân viên sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Đồng thời, văn hóa doanh nghiệp PVFCCo - PMB sẽ được tái tạo và phát triển để tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động cũng sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho toàn bộ cán bộ nhân viên.

Với các kế hoạch và định hướng rõ ràng, Công ty cam kết bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty sẽ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

Trên đây là những phân tích đánh giá cơ bản công tác điều hành trong năm 2024 và những định hướng kế hoạch công tác mới trong năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên (nhiệm kỳ 2021 - 2026), trong đó có 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, 01 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Lương Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT		5.000	5.000
2	Bùi Tuấn Anh	TV.HĐQT, GD	3.600.000		3.600.000
3	Tạ Quốc Phương	TV.HĐQT			

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện vai trò lãnh đạo và giám sát hoạt động của Công ty một cách chặt chẽ, tuân thủ các chuẩn mực quản trị theo mô hình công ty cổ phần. Trong năm 2024, với ba thành viên đương nhiệm, HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên trách, ra quyết định tập thể, đồng thời có sự phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực chuyên môn để đảm bảo hiệu quả quản trị cao nhất.

HĐQT đã chủ động chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban Giám đốc thông qua nhiều kênh khác nhau. Các thành viên HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc, đóng góp ý kiến chỉ đạo về việc triển khai Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đồng thời xem xét các đề án, dự án trước khi trình lên HĐQT. Ngoài ra, HĐQT cũng theo dõi chặt chẽ quá trình điều hành thông qua các báo cáo định kỳ và văn bản do Ban Giám đốc gửi lên. Trong những tình huống quan trọng phát sinh, HĐQT trực tiếp chỉ đạo và góp ý để đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra suôn sẻ, hiệu quả.

Hoạt động của HĐQT được tổ chức thông qua các phiên họp định kỳ hoặc bất thường. Các quyết định quan trọng được thông qua bằng hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng phiếu. Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như:

- Ban hành kế hoạch hoạt động năm 2024, đảm bảo định hướng phát triển rõ ràng cho Công ty.
- Giao kế hoạch kinh doanh năm 2024, xác định các mục tiêu cụ thể và chiến lược thực hiện.
- Cập nhật, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế.
- Phê duyệt các định mức, hạn mức tài chính nhằm kiểm soát dòng tiền và sử dụng vốn hiệu quả.
- Quyết định chi cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 8% trên mệnh giá cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Chỉ đạo công tác quản lý nhân sự, bao gồm tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ kế cận.
- Định hướng công tác tái cấu trúc Công ty, đảm bảo mô hình hoạt động tối ưu, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Giám sát hoạt động kinh doanh, đưa ra các chỉ đạo cần thiết để hỗ trợ Ban Điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch.
- Xây dựng kế hoạch phát triển cho năm 2025, định hướng chiến lược dài hạn để Công ty tiếp tục tăng trưởng bền vững.

Với sự giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời, HĐQT đã đảm bảo rằng Ban Giám đốc vận hành Công ty theo đúng mục tiêu và chiến lược đã đề ra. Công tác quản trị được thực hiện nghiêm túc thông qua chế độ báo cáo, các cuộc họp định kỳ và những hoạt động phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Giám đốc.

1. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hiện tại, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty không thành lập các tiểu ban chuyên trách. Thay vào đó, từng thành viên HĐQT được phân công phụ trách các lĩnh vực cụ thể để thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá nội dung thuộc thẩm quyền, từ đó đưa ra quyết định phù hợp. Đồng thời, các thành viên cũng có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

Thành viên độc lập trong HĐQT tham gia đầy đủ vào các cuộc họp, tích cực đóng góp ý kiến trong quá trình hoạch định chiến lược và kiểm soát hoạt động của Công ty. Thành viên này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ các chuẩn mực quản trị, cũng như thực hiện giám sát hoạt động điều hành. Điều này giúp bảo vệ lợi ích của cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ, đồng thời đảm bảo Công ty vận hành theo đúng quy định và định hướng phát triển bền vững.

Trong năm 2024, HĐQT đã đề ra các định hướng chiến lược quan trọng, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường. Các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được triển khai đầy đủ. Các phiên họp HĐQT diễn ra đúng quy trình, với sự thảo luận và biểu quyết chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với thẩm quyền của HĐQT. Đối với những nội dung cần lấy ý kiến bằng văn bản, các thủ tục được thực hiện đúng quy định nhằm đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Trong suốt quá trình điều hành và quản lý, không có vi phạm hoặc sai sót trọng yếu nào được ghi nhận, thể hiện sự chặt chẽ và hiệu quả trong công tác quản trị của HĐQT.

2. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

1. Ông Lương Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Bùi Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc
3. Ông Tạ Quốc Phương - Thành viên Hội đồng quản trị

III. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Đào Thị Kim Anh	Trưởng ban	0	0	0
2	Nguyễn Trà My	Thành viên	0	0	0
3	Đỗ Thị Minh Tâm	Thành viên	0	0	0

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát (BKS) Công ty đã tổ chức họp hai lần để thống nhất và triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát. Nội dung giám sát tập trung vào các vấn đề quan trọng sau:

- Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2024 cũng như việc tuân thủ Điều lệ Công ty.
- Giám sát hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc trong năm 2024.
- Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động kinh doanh.
- Giám sát và kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý hiện hành nhằm đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, kịp thời nắm bắt và đánh giá các quyết định quan trọng.
- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ (06 tháng, năm) cùng các báo cáo hoạt động kinh doanh và công tác quản lý hàng tháng, đảm bảo tính chính xác và tuân thủ quy định.

Với các hoạt động trên, Ban Kiểm soát đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo Công ty vận hành minh bạch, tuân thủ các quy định pháp luật và đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

3. Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ của Công ty

Trong năm 2024, Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu quan trọng và duy trì sự phát triển bền vững.

Về hoạt động kinh doanh, Công ty đạt được kết quả khả quan khi giữ vững thị phần Urea Phú Mỹ, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm NPK Phú Mỹ và Kali Phú Mỹ. Hệ thống kênh phân phối tiếp tục được củng cố theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn, giúp đảm bảo sự phát triển ổn định trong dài hạn.

Trong công tác quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã có những chỉ đạo sát sao, kịp thời, giúp Công ty ứng phó linh hoạt với các biến động của thị

trường. Việc quản lý tài chính được kiểm soát chặt chẽ, tối ưu hóa dòng tiền, giảm thiểu rủi ro, đồng thời duy trì hiệu quả hoạt động.

Về đầu tư và phát triển, Công ty tiếp tục nghiên cứu và đưa ra các giải pháp kinh doanh mới phù hợp với nhu cầu thị trường. Công tác hậu cần, kho bãi cũng được điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giảm chi phí vận hành. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục xây dựng các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, đảm bảo nền tảng vững chắc cho tương lai.

Trong lĩnh vực nhân sự, Công ty tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ, đào tạo chuyên sâu để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động kinh doanh. Chế độ lương thưởng được thực hiện hợp lý, gắn liền với hiệu quả công việc, tạo động lực cho người lao động.

Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng.

Về quyền lợi cổ đông, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng cam kết, minh bạch trong công tác quản trị và công bố thông tin đầy đủ, giúp các cổ đông yên tâm về tình hình hoạt động.

Nhìn chung, năm 2024 đánh dấu một năm thành công với nhiều kết quả tích cực, giúp Công ty tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường và hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai.

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý và định hướng chiến lược, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, ban hành các quyết sách kịp thời, giúp Công ty bảo toàn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Ban Giám đốc cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, triển khai đầy đủ và hiệu quả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động quản lý, điều hành được thực hiện đúng quy định, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của Công ty.

Ban Kiểm soát đánh giá cao sự minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các báo cáo được lập đầy đủ, phản ánh trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024. Quá trình ra quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đều tuân thủ Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với chiến lược phát triển chung, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông và các bên liên quan.

5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện vai trò giám sát và kiểm tra nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định, mang lại hiệu quả cao và minh bạch trong quản lý. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Theo dõi và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 cũng như các quy định trong Điều lệ Công ty.
- Giám sát quá trình triển khai, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực của các số liệu.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp chuyên đề của Công ty để nắm bắt tình hình và đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời.
- Giám sát và kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý hiện hành, đảm bảo tuân thủ đúng theo các yêu cầu pháp luật và quy định nội bộ.
- Theo dõi việc triển khai các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, quyền hạn của Ban Kiểm soát, đảm bảo hoạt động giám sát diễn ra khách quan, minh bạch và đúng quy định.

Ban Kiểm soát cam kết tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đồng hành cùng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.

IV. Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Công ty áp dụng chế độ lương cho Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc theo quy định của Pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

1. Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau

ĐVT: triệu đồng

Stt	Chức danh	Tiền lương, Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1.663	433	75	2.172
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	832	221	38	1.091
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	783	213	37	1.033
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	48	-	-	48
II.	BAN KIỂM SOÁT	102	-	-	102
1	Trưởng Ban Kiểm soát	42	-	-	42
2	Thành viên Ban kiểm soát	30	-	-	30
3	Thành viên Ban kiểm soát	30	-	-	30
III.	BAN GIÁM ĐỐC	718	190	35	943
1	Phó Giám đốc	718	190	35	943
TỔNG CỘNG		2.483	624	110	3.217

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2024, các cổ đông nội bộ của Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2024, Công ty có giao dịch với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (Tổng công ty mẹ đồng thời cũng là cổ đông lớn của Công ty) ở hai lĩnh vực:

- Hợp đồng mua bán Phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ;
- Các Hợp đồng Dịch vụ Kỹ thuật, Hợp đồng Dịch vụ Hậu cần: Vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, xúc tiến thương mại....

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng quản trị đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty Cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định của Pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của Hội đồng quản trị đã giúp Ban Giám đốc tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán (Tài liệu đính kèm).
2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán (Tài liệu đính kèm).

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc kính báo cáo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN, TTLKCKVN;
- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Các P.GĐ (để biết);
- Lưu: VT, ĐNH.

GIÁM ĐỐC



Bùi Tuấn Anh

Deloitte.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

0288
CÔNG
CỔ PH
ÂN BẮC
CHẤT
MIỀN
BẮC

12500
CÔNG TY
NH
KIỂM TOÁN
OITTT
VIỆT NAM
1 - TP H

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên
Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Kim Anh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Trà My	Thành viên
Bà Đỗ Thị Minh Tâm	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

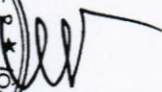

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

Số: 0533/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

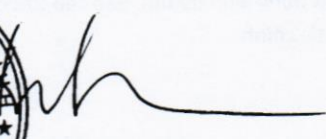
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

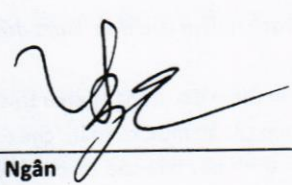
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1


Nguyễn Thị Ngân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đ
B
I
B
A
T
N
A
Y
Đ
N
T
M
O
T
Đ
A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.250.440.933	172.173.099.706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	139.841.793.500	120.856.663.223
1. Tiền	111		46.805.892.580	53.076.736.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.035.900.920	67.779.926.332
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.056.592.760	19.359.989.193
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.000.483.177	12.115.130.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.868.064.752	6.626.832.305
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		188.044.831	618.026.505
III. Hàng tồn kho	140	7	32.943.385.694	29.612.036.468
1. Hàng tồn kho	141		32.943.385.694	31.949.547.478
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.337.511.010)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		408.668.979	2.344.410.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	408.668.979	180.546.413
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	2.163.864.409
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.604.618.874	12.757.732.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72.000.000	72.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		72.000.000	72.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.719.537.224	5.312.445.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.719.537.224	5.305.371.628
- Nguyên giá	222		43.733.855.700	44.557.487.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.014.318.476)	(39.252.116.150)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	7.073.695
- Nguyên giá	228		95.613.600	95.613.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.613.600)	(88.539.905)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.813.081.650	7.373.287.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	4.813.081.650	7.373.287.114
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		192.855.059.807	184.930.832.143

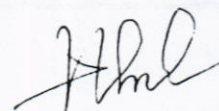
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

150
CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MIỀN BẮC
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.424.479.558	40.617.068.924
I. Nợ ngắn hạn	310		50.424.479.558	40.617.068.924
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	17.628.905.091	2.916.117.963
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	17.824.877.033	6.360.607.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	894.661.304	681.761.179
4. Phải trả người lao động	314		5.940.846.092	5.384.256.874
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	865.113.654	1.293.182.595
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	4.254.622.644	19.921.153.653
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.015.453.740	4.059.989.002
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.430.580.249	144.313.763.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	142.430.580.249	144.313.763.219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.397.910.669	14.281.093.639
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.664.135.262	9.218.622.188
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.733.775.407	5.062.471.451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		192.855.059.807	184.930.832.143



Nguyễn Thị Vân Anh
 Người lập biểu



Nguyễn Tiến Hưng
 Kế toán trưởng



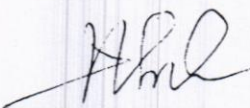
Bùi Tuấn Anh
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

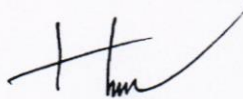
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.195.485.569.778	2.183.715.954.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	42.173.701.103	37.358.875.004
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.153.311.868.675	2.146.357.079.243
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.078.517.114.306	2.070.026.356.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		74.794.754.369	76.330.722.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.193.507.668	1.876.103.424
7. Chi phí tài chính	22		7.534.247	18.493.151
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.534.247	18.493.151
8. Chi phí bán hàng	25	22	55.493.300.350	56.148.164.679
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.738.439.852	16.454.206.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.748.987.588	5.585.962.235
11. Thu nhập khác	31	23	8.688.761.540	5.067.678.234
12. Chi phí khác	32		479.100.127	307.826.906
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.209.661.413	4.759.851.328
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.958.649.001	10.345.813.563
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	3.055.639.823	(449.823.586)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	-	4.467.547.835
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.903.009.178	6.328.089.314
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	644	422



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Tiến Hưng
Kế toán trưởng



Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

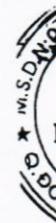
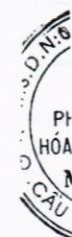
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.958.649.001	10.345.813.563
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.916.576.179	3.381.854.604
Các khoản dự phòng	03	(2.337.511.010)	(5.105.042.850)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(507.695.455)	(1.908.194.333)
Chi phí lãi vay	06	7.534.247	18.493.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.037.552.962	6.732.924.135
Giảm các khoản phải thu	09	10.467.260.842	6.031.825.794
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(993.838.216)	41.832.876.177
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lãi vay phải trả)	11	8.273.299.565	(1.218.929.990)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	2.332.082.898	(4.725.175.412)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.534.247)	(18.493.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(476.993.492)	(4.217.613.426)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.230.727.410)	(5.605.301.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.401.102.902	38.812.112.374
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.323.668.080)	(1.650.418.200)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	507.695.455	32.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	1.899.927.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(815.972.625)	281.600.484



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.600.000.000)	(14.400.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(9.600.000.000)</i>	<i>(14.400.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	18.985.130.277	24.693.712.858
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	120.856.663.223	96.162.950.365
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	139.841.793.500	120.856.663.223

Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu

Nguyễn Tiến Hưng
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

03
CÔ
CÔ
ÂN
CH
IÊ
3/A
1007
CÔ
T
KIÊ
DEL
VIỆ
VGE

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 cấp ngày 19 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 01 tháng 02 năm 2024. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 07 tháng 10 năm 2015 với mã chứng khoán là PMB.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 67 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

19
G
H
C
I
11
12
NG
NH
AT
OI
TI
A

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí mua hàng hóa cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

15
Y
N
V.
UI
AC
P
500
TY
H
OAI
TI
VAN
TP

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định hữu hình khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Các khoản thuê của Công ty là thuê hoạt động. Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng, thuê kho cho nhiều kỳ đã được thanh toán trước cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí bảo hiểm thể hiện số tiền bảo hiểm đã được thanh toán trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	54.923.209	212.949.659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.750.969.371	52.863.787.232
Các khoản tương đương tiền (*)	93.035.900.920	67.779.926.332
	139.841.793.500	120.856.663.223

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,4%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,0%/năm đến 3,2%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.504.078.987	12.115.130.383
Các khách hàng khác	496.404.190	-
	8.000.483.177	12.115.130.383

Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)

7.504.078.987

12.115.130.383

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.076.468.831	6.604.264.542
Các nhà cung cấp khác	791.595.921	22.567.763
	2.868.064.752	6.626.832.305
Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)		
	2.076.468.831	6.604.264.542

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.028.784.804	-
Công cụ, dụng cụ	116.431.923	-	130.220.908	-
Hàng hoá	32.826.953.771	-	30.790.541.766	(2.337.511.010)
	32.943.385.694	-	31.949.547.478	(2.337.511.010)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.337.511.010 VND (năm 2023: 5.105.042.850 VND) do Công ty đã tiêu thụ các hàng hóa đã trích lập dự phòng đầu năm.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	249.922.620	111.648.065
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	158.746.359	68.898.348
	408.668.979	180.546.413
b. Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước	3.629.751.376	6.099.025.852
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.183.330.274	1.274.261.262
	4.813.081.650	7.373.287.114

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐẦU KHÍ MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	28.077.312.198	743.420.000	12.430.896.903	2.762.565.477	543.293.200	44.557.487.778					1.323.668.080	
Tăng trong năm	-	141.480.000	931.288.080	250.900.000	-	-						
Phân loại lại	-	165.000.000	-	(165.000.000)	-	-						
Thanh lý, nhượng bán	-	(128.128.000)	(1.922.486.444)	(96.685.714)	-	(2.147.300.158)						
Số dư cuối năm	28.077.312.198	921.772.000	11.439.698.539	2.751.779.763	543.293.200	43.733.855.700						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	26.101.737.371	390.294.471	9.523.131.700	2.693.659.408	543.293.200	39.252.116.150						
Khấu hao trong năm	1.975.574.827	159.657.545	748.677.400	25.592.712	-	2.909.502.484						
Phân loại lại	-	96.093.931	-	(96.093.931)	-	-						
Thanh lý, nhượng bán	-	(128.128.000)	(1.922.486.444)	(96.685.714)	-	(2.147.300.158)						
Số dư cuối năm	28.077.312.198	517.917.947	8.349.322.656	2.526.472.475	543.293.200	40.014.318.476						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày đầu năm	1.975.574.827	353.125.529	2.907.765.203	68.906.069	-	5.305.371.628						
Tại ngày cuối năm	-	403.854.053	3.090.375.883	225.307.288	-	3.719.537.224						

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.447.658.184 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.363.352.341 VND).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Long Thành	464.325.734	464.325.734	580.696.138	580.696.138
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Phúc Long	708.880.689	708.880.689	520.379.596	520.379.596
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	704.827.764	704.827.764	293.266.332	293.266.332
Công ty Cổ phần Cảng Thanh Hóa	298.780.314	298.780.314	230.398.144	230.398.144
Các đối tượng khác	2.128.814.601	2.128.814.601	1.291.377.753	1.291.377.753
Chiết khấu thương mại phải trả:	13.323.275.989	13.323.275.989	-	-
- Công ty CP Phân bón Phú Quy	2.928.868.000	2.928.868.000	-	-
- Công ty TNHH Việt Mỹ	1.902.612.850	1.902.612.850	-	-
- Các đối tượng khác	8.491.795.139	8.491.795.139	-	-
	17.628.905.091	17.628.905.091	2.916.117.963	2.916.117.963

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	2.455.000.000	1.284.726.295
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quy	4.875.429.395	292.920.159
Công ty TNHH Thương mại Phong Trang	1.831.553.922	731.855.364
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp, Xây dựng Anh Thái	629.138.036	765.636.547
Các khách hàng khác	8.033.755.680	3.285.469.293
	17.824.877.033	6.360.607.658

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	335.061.179	486.297.530	643.929.327	177.429.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.163.864.409)	3.413.536.360	834.890.029	414.781.922
Thuế thu nhập cá nhân	346.700.000	1.660.662.017	1.704.912.017	302.450.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	(1.482.103.230)	5.563.495.907	3.186.731.373	894.661.304

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.163.864.409	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	681.761.179	894.661.304

(*) Số thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm 357.896.537 VND là thuế TNDN nộp bổ sung theo Quyết định số 67895/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

4.450
Y
N
I VÀ
ĐU K
ÁC
P
250
NG T
NH
A TO,
OIT
T N/
A-V

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	65.418.467	54.315.955
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	799.695.187	1.238.866.640
	865.113.654	1.293.182.595

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	2.600.000.000
Kinh phí công đoàn	23.516.002	74.141.513
Phải trả ngắn hạn khác	1.231.106.642	880.284.015
Chiết khấu thương mại	-	16.366.728.125
	4.254.622.644	19.921.153.653

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 26)

900.000.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	10.032.669.580	24.278.918.978	154.311.588.558
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.328.089.314	6.328.089.314
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.925.914.653)	(1.925.914.653)
Chia cổ tức	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	14.281.093.639	144.313.763.219
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.903.009.178	9.903.009.178
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.186.192.148)	(2.186.192.148)
Chia cổ tức (i)	-	-	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	12.397.910.669	142.430.580.249

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 37/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, cổ tức năm 2023 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt với tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ là 8%, tương ứng 800 VND/cổ phiếu. Tổng số cổ tức chi trả là 9.600.000.000 VND và đã được Công ty thanh toán trong năm 2024. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền 2.186.192.148 VND, trong đó bao gồm 2.169.233.771 VND tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 16.958.377 VND là phần trích bổ sung cho phần lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2023.

Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000		12.000.000	
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000		12.000.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000		12.000.000	
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000		12.000.000	

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	90.000.000.000	75%	90.000.000.000	75%
- Công ty Cổ phần				
Cổ đông khác	30.000.000.000	25%	30.000.000.000	25%
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	100%

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tấn		Tấn	
Phân bón và sản phẩm hóa chất giữ hộ Tổng Công ty	12.534		22.171	
Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần				
Phân bón và sản phẩm hóa chất giữ hộ khách hàng	15.258		25.654	
	27.792		47.825	

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.489.584.987.500	1.467.170.747.500
Doanh thu hàng hóa khác	672.546.499.275	681.535.793.605
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.354.083.003	35.009.413.142
	2.195.485.569.778	2.183.715.954.247
Chiết khấu thương mại	42.173.701.103	37.358.875.004
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.153.311.868.675	2.146.357.079.243
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	63.314.363.049	31.193.029.211

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.406.477.826.185	1.379.891.774.097
Giá vốn hàng hóa khác	642.080.102.984	658.229.147.994
Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.959.185.137	31.905.434.241
	2.078.517.114.306	2.070.026.356.332

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	29.425.746.895	28.430.699.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.916.576.179	3.381.854.604
Hoàn nhập dự phòng	(2.337.511.010)	(5.105.042.850)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.663.822.285	50.317.457.348
Chi phí bằng tiền khác	23.361.755.115	28.024.654.485
	108.030.389.464	105.049.623.242

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.193.507.668	1.876.103.424
	1.193.507.668	1.876.103.424

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	20.974.582.746	18.312.686.593
Chi phí công cụ, dụng cụ	411.146.704	628.623.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.890.983.467	3.132.858.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.879.928.497	10.999.715.666
Các khoản chi phí bán hàng khác	20.336.658.936	23.074.280.903
	55.493.300.350	56.148.164.679
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.451.164.149	10.118.013.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.337.864.260	4.463.556.992
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.949.411.443	1.872.636.216
	15.738.439.852	16.454.206.270

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Quà tặng khuyến mãi	8.105.434.000	5.003.731.200
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	507.695.455	32.090.909
Các khoản khác	75.632.085	31.856.125
	8.688.761.540	5.067.678.234

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.913.587.017	2.204.551.494
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	142.052.806	(2.654.375.080)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.055.639.823	(449.823.586)

02
 CÔNG
 CỔ
 AN
 CH
 11E
 3/A

08F
 CÔNG
 T
 KIỂM
 DEL
 VIỆ
 VG

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	12.958.649.001	10.345.813.563
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.609.286.086	676.943.906
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.567.935.087	11.022.757.469
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>2.913.587.017</u>	<u>2.204.551.494</u>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.467.547.835
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>-</u>	<u>4.467.547.835</u>

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.903.009.178	6.328.089.314
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.169.233.771)	(1.265.617.863)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.733.775.407	5.062.471.451
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>644</u>	<u>422</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

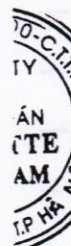
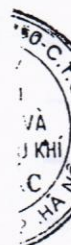
Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.314.363.049	31.193.029.211
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	63.314.363.049	31.193.029.211
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	1.891.315.841.250	1.893.064.337.750
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.891.315.841.250	1.893.064.337.750
Nhận chiết khấu	27.944.144.123	40.763.888.113
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	27.944.144.123	40.763.888.113
Trả cổ tức	7.200.000.000	10.800.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.200.000.000	10.800.000.000
Thu nhập khác	8.105.434.000	5.003.731.200
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.105.434.000	5.003.731.200

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	7.504.078.987	12.115.130.383
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.504.078.987	12.115.130.383
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.076.468.831	6.604.264.542
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.076.468.831	6.604.264.542
Phải trả khác	900.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	900.000.000	-




CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

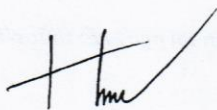
MẪU SỐ B 09-DN

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Ông Lương Anh Tuấn	1.090.687.951	1.035.484.681
Ông Bùi Tuấn Anh	1.032.212.548	886.963.833
Ông Nguyễn Quang Đoàn	942.599.501	910.600.200
Ông Tạ Quốc Phương	48.000.000	52.000.000
Ban Kiểm soát		
Bà Đào Thị Kim Anh	42.000.000	42.000.000
Bà Đỗ Thị Minh Tâm	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Trà My	30.000.000	30.000.000
	3.215.500.000	2.987.048.714



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu



Nguyễn Tiến Hưng
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025